

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 16 - 4 - 2025  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trịnh Thị Hồng Cúc;

2. Bà Phan Thị Hải Thanh.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (*yêu cầu vắng mặt*).

**Bị đơn:** Ông Trần Thanh P - sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà và ông Trần Thanh P tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào tháng 5/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ bà hạnh phúc đến khoảng năm 2018, do ông P thường xuyên nhậu nhẹt không lo làm ăn, mỗi lần đi nhậu về xúc phạm, hành hung bà nên bà phải mời Công an xã đến làm việc. Mặc dù nhiều lần Công an can thiệp nhưng ông P không sửa chữa và vũ phu, bà sợ ông P sẽ tiếp tục hành hung nên bà tự ra ngoài sinh sống từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân,

bà và ông P không liên lạc để hàn gắn. Nay bà không còn tình cảm, không thể về chung sống hạnh phúc nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn ông P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Nguyễn Quỳnh N - sinh ngày 18/8/2001, Trần Nguyễn Chí C - sinh ngày 20/9/2005 hiện nay đều đã trên 18 tuổi có gia đình và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Thanh P không có ý kiến. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Toà án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông P không đến Toà án làm việc và cũng không có ý kiến gì phản hồi liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu trong hồ sơ xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Thanh P có địa chỉ cư trú tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2]. Việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Thanh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông P.

[1.3]. Quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn bị đơn do mâu thuẫn gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn”.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Puyện T, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2004 nên đủ cơ sở để xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông P không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H là tự tước bỏ quyền phản bác của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; do đó, căn cứ lời khai bà Nguyễn Thị H và biên bản xác minh tại địa phương ngày 02/01/2025, khẳng định: Vợ chồng bà H, ông P xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ cách sống của ông P không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt; mỗi lần nhậu về thì chửi bới, xúc phạm và hành hung bà H, Công an xã đã can thiệp giải quyết nhiều lần nhưng vợ chồng cũng không thể hòa hợp và tự sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông P là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ lời khai của bà H và biên bản xác minh tại địa phương xác nhận vợ chồng bà H, ông P có 02 con chung tên Trần Nguyễn Quỳnh N - sinh ngày 18/8/2001, Trần Nguyễn Chí C - sinh ngày 20/9/2005 đều đã trưởng thành, lao động được và không yêu cầu gì nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bà Nguyễn Thị Hồng C1 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, Điều 228, điều 271 và điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Thanh P.
2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng C1 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0004760 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Án xử công khai sơ thẩm; Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- UBND xã Phước Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thị Thức**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT  
XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Hồng Cúc    Phan Thị  
Hải Thanh**

**Nguyễn Thị Thức**

